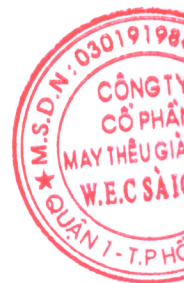


**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Thành viên
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng ban
Ông Trần Văn	Thành viên
Ông Huỳnh Hữu Việt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/04/2024)
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/04/2024)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Số: 343/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May thuê Giày dép W.E.C Sài Gòn và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC**Lục Thị Vân**
Phó Tổng Giám đốcGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Đỗ Thành Đạt
Kiểm toán viênGiấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6288-2023-026-1

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.402.419.853	58.495.095.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	17.145.377.269	13.519.779.480
1. Tiền	111		11.145.377.269	7.519.779.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.200.000.000	30.020.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	25.200.000.000	30.020.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.176.804.997	4.668.007.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.813.756.203	2.536.129.899
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.087.919.572	92.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.275.129.222	2.039.477.431
IV. Hàng tồn kho	140		5.864.071.033	8.315.051.947
1. Hàng tồn kho	141	4.5	5.864.071.033	8.315.051.947
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.016.166.554	1.972.256.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		255.615.448	361.502.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	1.760.551.106	1.610.753.872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.281.320.849	2.926.673.080
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		36.830.958	36.830.958
1. Phải thu dài hạn khác	216		36.830.958	36.830.958
II. Tài sản cố định	220		958.804.157	1.397.823.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	920.304.157	1.317.323.423
Nguyên giá	222		22.641.771.228	22.884.117.596
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.721.467.071)	(21.566.794.173)
2. Tài sản cố định vô hình	227		38.500.000	80.500.000
Nguyên giá	228		316.034.200	316.034.200
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(277.534.200)	(235.534.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.7	-	-
1. Nguyên giá	231		7.273.326.473	7.273.326.473
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.273.326.473)	(7.273.326.473)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.285.685.734	1.492.018.699
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.107.055.452	1.313.388.417
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		178.630.282	178.630.282
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		60.683.740.702	61.421.768.196

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.415.350.090	22.876.718.986
I. Nợ ngắn hạn	310		20.374.350.090	21.847.718.986
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	2.253.588.097	3.445.602.240
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	3.346.215.000	3.333.710.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.099.904.669	4.205.135.111
4. Phải trả người lao động	314	4.11	5.148.995.927	4.768.858.511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		474.112.559	622.396.293
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		247.585.338	225.548.400
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	6.087.599.419	4.908.901.476
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		716.349.081	337.566.455
II. Nợ dài hạn	330		1.041.000.000	1.029.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	1.041.000.000	1.029.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.268.390.612	38.545.049.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13.1	39.268.390.612	38.545.049.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.13.2	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.353.380.000	1.353.380.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.274.733.644	5.986.733.644
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.785.781.506	6.341.117.847
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	679.488.784
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.785.781.506	5.661.629.063
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		854.495.462	863.817.719
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		60.683.740.702	61.421.768.196

Phê duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	64.063.692.078	95.012.263.695
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.063.692.078	95.012.263.695
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	39.116.263.053	59.779.971.906
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.947.429.025	35.232.291.789
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.414.790.573	2.358.115.486
6. Chi phí tài chính	22		84.398.066	163.241.204
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	18.279.452
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	2.037.549.299	3.974.541.337
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.737.623.362	17.324.400.532
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.502.648.871	16.128.224.202
10. Thu nhập khác	31		199.408.387	157.637.778
11. Chi phí khác	32		174.701.772	170.056.908
12. Lợi nhuận khác	40		24.706.615	(12.419.130)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.527.355.486	16.115.805.072
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.068.491.458	3.235.391.009
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(955.279.223)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.458.864.028	13.835.693.286
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.308.008.948	13.430.270.374
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		150.855.080	405.422.912
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	2.741	5.038
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	2.741	5.038

Phê duyệt
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP
W.E.C SÀI GÒN
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập
Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.527.355.486	16.115.805.072
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	669.900.666	1.000.071.171
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(234.544.066)	10.624.993
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.815.245.398)	(1.673.742.091)
Chi phí lãi vay	06		-	18.279.452
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		7.147.466.688	15.471.038.597
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.098.091.897)	(3.482.512.110)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.450.980.914	1.247.622.722
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.084.311.726	3.371.486.218
Tăng giảm chi phí trả trước	12		312.220.004	(407.724.013)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	1.336.289.592
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(18.279.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.827.657.710)	(261.984.830)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.365.340.000)	(1.392.469.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(296.110.275)	15.863.467.524
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(230.881.400)	(83.945.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		74.074.075	36.087.387
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(57.200.000.000)	(34.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		62.020.000.000	29.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.200.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.741.171.323	1.637.654.704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.404.363.998	(6.010.203.364)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.500.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.500.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(3.717.200.000)	(2.480.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.717.200.000)	(2.480.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		3.391.053.723	7.373.264.160
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.519.779.480	6.157.234.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		234.544.066	(10.719.566)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	17.145.377.269	13.519.779.480

Phê duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000005 ngày 28 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi thành Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301919887 và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 21 tháng 07 năm 2023.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 là 24 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	Việt Nam	2.468.980.000	10,29	2.468.980.000	10,29
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	21.531.020.000	89,71	21.531.020.000	89,71
Cộng		24.000.000.000	100,00	24.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn	Giáo dục mầm non	89 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần May thêu Giày dép W.E.C Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	17D Đường Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 là 244 (31/12/2023 là: 239).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, gia công may mặc, giáo dục mầm non và dịch vụ cho thuê bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Giáo dục mầm non.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị thuộc các ngành hàng may mặc, thêu, móc, đan, giày dép, dệt vải, len, da, giả da, nhựa, mousse, cao su; hàng thủ công mỹ nghệ khác (trừ sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở sử dụng hoặc cho đi thuê như mặt bằng, kho hàng hoá, nhà xưởng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2024, do chịu ảnh hưởng từ tình hình của các cuộc xung đột trên thế giới dẫn đến số lượng đơn hàng nhận gia công từ khách hàng thuộc thị trường Trung Đông giảm mạnh. Do đó, doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn giảm đáng kể so với năm 2023.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần May Đại Việt	Số 62 Tân Thành, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	96%	96%	96%

Công ty con gián tiếp:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH May Tây Nguyên	Km 09 - Quốc lộ 14, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	96%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 15 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 5 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 – 6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ Khác	4 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm nhà cửa, vật kiến trúc là từ 5 đến 10 năm.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí vận chuyển, bốc xếp,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (Tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Kinh doanh trường mầm non:	Không chịu thuế;
▪ Doanh thu hàng may mặc, gia công xuất khẩu:	0%;
▪ Dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác:	10%;
▪ Doanh thu bán hàng trong nước:	10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	231.081.188	39.670.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.914.296.081	7.480.109.198
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	17.145.377.269	13.519.779.480

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và có lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,6%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 đến 12 tháng, được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam	10.200.000.000	4,0%	13.620.000.000	Từ 3,2% đến 7,5%
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	13.000.000.000	4,3%	12.400.000.000	Từ 8,3% đến 8,4%
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.000.000.000	3,9%	4.000.000.000	Từ 4,1% đến 5,4%
Cộng	25.200.000.000		30.020.000.000	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chori Co., Ltd	2.827.445.375	-
Rezicon Limited	1.986.310.828	2.387.964.958
Khác	-	148.164.941
Cộng	4.813.756.203	2.536.129.899

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tạm ứng nộp tiền thuê đất	1.064.093.392	828.441.601
Phải thu người lao động	5.035.830	5.035.830
Khác	1.206.000.000	1.206.000.000
Cộng	2.275.129.222	2.039.477.431

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.537.113.141	-	822.070.598	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.326.957.892	-	7.492.981.349	-
Cộng	5.864.071.033	-	8.315.051.947	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	14.183.366.662	6.146.058.205	1.957.200.000	52.492.729	545.000.000	22.884.117.596
Mua trong năm	-	230.881.400	-	-	-	230.881.400
Thanh lý, nhượng bán	-	(473.227.768)	-	-	-	(473.227.768)
Tại ngày 31/12/2024	14.183.366.662	5.903.711.837	1.957.200.000	52.492.729	545.000.000	22.641.771.228
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	13.057.395.893	5.954.705.551	1.957.200.000	52.492.729	545.000.000	21.566.794.173
Khấu hao trong năm	477.874.246	150.026.420	-	-	-	627.900.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(473.227.768)	-	-	-	(473.227.768)
Tại ngày 31/12/2024	13.535.270.139	5.631.504.203	1.957.200.000	52.492.729	545.000.000	21.721.467.071
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	1.125.970.769	191.352.654	-	-	-	1.317.323.423
Tại ngày 31/12/2024	648.096.523	272.207.634	-	-	-	920.304.157

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.646.073.404 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nhà cửa, vật kiến trúc	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá	7.273.326.473	-	-	7.273.326.473
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.273.326.473)	-	-	(7.273.326.473)
Giá trị còn lại	-			-

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.273.326.473 VND.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khang Thịnh	284.826.175	284.826.175	1.033.896.091	1.033.896.091
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	1.968.761.922	1.968.761.922	2.411.706.149	2.411.706.149
Cộng	2.253.588.097	2.253.588.097	3.445.602.240	3.445.602.240

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Bà Nguyễn Đặng Tường Vi (*)	3.300.000.000	3.300.000.000
Khác	46.215.000	33.710.500
Cộng	3.346.215.000	3.333.710.500

(*) Là số tiền ứng trước của bà Nguyễn Đặng Tường Vi cho việc mua đất của Công ty Cổ phần May Thêu Giày Dép W.E.C Sài Gòn. Hồ sơ giao dịch đã được trình lên cơ quan có thẩm quyền và đến thời điểm hiện tại vẫn đang trong quá trình chờ phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Số thuế GTGT phát sinh VND	Số thuế GTGT được hoàn VND	Số thuế GTGT được khấu trừ VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.760.551.106	2.944.388.348	2.611.279.023	183.312.091	1.610.753.872
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã khấu trừ	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	529.236.883	2.492.575.868	183.312.091	2.344.473.805	564.446.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.483.463.249	2.068.491.458	-	3.827.657.710	3.242.629.501
Thuế thu nhập cá nhân	87.204.537	826.380.456	-	1.137.234.618	398.058.699
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.379.911.832	-	1.379.911.832	-
Các loại thuế khác	-	11.898.903	-	11.898.903	-
Cộng	2.099.904.669	6.779.258.517	183.312.091	8.701.176.868	4.205.135.111

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2024 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2024.

4.12. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.094.372.000	755.409.000
Cổ tức phải trả cho các bên khác	3.808.428.000	2.924.591.000
Kinh phí công đoàn	100.186.982	141.844.776
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế	10.853.603	9.250.116
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, nhận đặt cọc	1.064.648.334	1.070.648.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.110.500	7.158.250
Cộng	6.087.599.419	4.908.901.476
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.041.000.000	1.029.000.000

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2023	24.000.000.000	1.353.380.000	5.943.533.644	1.519.539.288	1.577.209.572	34.393.662.504
Lãi trong năm trước	-	-	-	13.430.270.374	405.422.912	13.835.693.286
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	(6.000.000.000)	(160.000.000)	(6.160.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.324.306.580)	-	(1.324.306.580)
Tăng/(Giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con gián tiếp	-	-	43.200.000	(1.336.101.286)	(907.098.714)	(2.200.000.000)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	51.716.051	(51.716.051)	-
Tại ngày 01/01/2024	24.000.000.000	1.353.380.000	5.986.733.644	6.341.117.847	863.817.719	38.545.049.210
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.308.008.948	150.855.080	7.458.864.028
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(4.800.000.000)	(140.000.000)	(4.940.000.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	288.000.000	(288.000.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.755.167.952)	-	(1.755.167.952)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(20.177.337)	-	(20.177.337)
Tại ngày 31/12/2024	24.000.000.000	1.353.380.000	6.274.733.644	6.785.781.506	854.495.462	39.268.390.612

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	2.468.980.000	2.468.980.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.531.020.000	21.531.020.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

4.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.400.000	2.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	7.308.008.948	13.430.270.374
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(729.219.314)	(1.340.120.492)
Lãi/(lỗ) để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.578.789.634	12.090.149.882
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.400.000	2.400.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.741	5.038

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 được tạm trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2023.

4.13.5. Cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	3.680.000.000	-
Cổ tức phải trả	4.940.000.000	6.160.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(3.717.200.000)	(2.480.000.000)
Số dư cuối năm	4.902.800.000	3.680.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản nhận giữ hộ:		
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công	3.452.928.732	4.828.845.662
	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	251.323,80	217.988,89

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hàng may mặc, gia công (*)	51.036.325.735	81.684.613.686
Doanh thu giáo dục mầm non	7.431.926.139	7.423.133.676
Doanh thu cho thuê mặt bằng	5.595.440.204	5.725.594.250
Khác	-	178.922.083
Cộng	64.063.692.078	95.012.263.695

(*) Mục 1.5 của bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân doanh thu hàng may mặc, gia công năm nay giảm đáng kể so với năm trước.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng may mặc, gia công	31.887.835.092	53.059.777.723
Giá vốn từ giáo dục mầm non	5.862.268.130	5.118.223.924
Giá vốn cho thuê mặt bằng	1.366.159.831	1.593.674.247
Khác	-	615.835.695
Cộng	39.116.263.053	59.779.971.906

Giá vốn hàng bán giảm cùng chiều với doanh thu trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.741.171.323	1.637.654.704
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	439.075.184	720.460.782
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	234.544.066	-
Cộng	3.414.790.573	2.358.115.486

Doanh thu hoạt động tài chính năm nay tăng đáng kể do dòng tiền chi để gửi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trong năm nay tăng so với năm trước.

5.4. Chi phí bán hàng

Là chi phí dịch vụ vận chuyển, bốc xếp phát sinh trong năm.

Chi phí bán hàng trong năm nay giảm đáng kể do doanh thu may mặc, gia công xuất khẩu giảm.

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.894.372.007	12.901.302.750
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	23.555.383	32.014.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.000.000	42.000.000
Thuế, phí và lệ phí	19.752.000	18.752.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.003.462.118	594.986.001
Chi phí bằng tiền khác	2.754.481.854	3.735.344.796
Cộng	16.737.623.362	17.324.400.532

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	41.036.421.475	56.028.833.450
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng văn phòng	4.302.628.935	11.251.440.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	669.900.666	1.000.071.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.702.322.113	6.655.581.756
Chi phí khác bằng tiền	5.014.139.068	6.246.704.923
Cộng	54.725.412.257	81.182.632.243

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN là 20% đối với tất cả các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất và gia công hàng may mặc;
- Hoạt động trường mầm non;
- Cho thuê mặt bằng;
- Hoạt động khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 146 (Lầu 4) Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Doanh thu	TP. Hồ Chí Minh		Đắk Lắk		Loại trừ		Đơn vị tính: Ngân đồng Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Từ khách hàng bên ngoài	63.822.463	95.012.264	241.230	-	-	-	64.063.692	95.012.264
Giữa các bộ phận	1.600.000	1.600.000	21.551.448	25.498.518	(23.151.448)	(27.098.518)	-	-
Cộng	65.422.463	96.612.264	21.792.677	25.498.518	(23.151.448)	(27.098.518)	64.063.692	95.012.264
Khấu hao tài sản	76.410	155.606	593.491	844.465	-	-	669.901	1.000.071
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	230.881	83.945	-	-	230.881	83.945

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác về cổ tức:		
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	477.420.000	358.065.000
Ông Diệp Thành Kiệt	270.578.000	173.031.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	210.662.000	137.784.000
Bà Vũ Thị Kim Nhung	56.728.000	42.546.000
Ông Trần Văn	43.392.000	32.544.000
Ông Huỳnh Hữu Việt	35.592.000	-
Bà Đặng Thị Kim Thoa	-	11.439.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	1.094.372.000	755.409.000

Thù lao của HĐQT, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.308.700.000	1.261.020.322
Ông Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	282.144.267	256.742.674
Ông Diệp Thành Kiệt	Chủ tịch HĐQT	96.250.000	97.750.000
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Trưởng BKS	61.250.000	62.150.000
Ông Trần Văn	Thành viên BKS	354.100.000	271.950.000
Ông Huỳnh Hữu Việt	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 17/04/2024)	26.250.000	-
Bà Đặng Thị Kim Thoa	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 17/04/2024)	-	11.250.000
Cộng		2.128.694.267	1.960.862.996

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.595.440.204	5.725.594.250
Tại ngày 31/12/2024, Tập đoàn có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:		
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	4.161.596.400	12.973.128.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.649.600.000	2.346.000.000
Cộng	12.811.196.400	15.319.128.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2023 VND	Năm 2023 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.038	4.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.038	4.029

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Tập đoàn đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được ghi nhận theo số tạm trích).

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Trích):

	Năm 2023 VND	Năm 2023 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	16.115.805.072	19.955.805.072
Tăng, giảm các khoản phải thu	(3.482.512.110)	(5.402.512.110)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	3.371.486.218	(148.513.782)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	29.100.000.000	30.700.000.000

Việc trình bày lại các thông tin so sánh nêu trên là để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2025